TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 09 - 7 - 2025
V/v kiện chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.
2. Ông Lê Đức Chạc.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-TCDS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc kiện chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST - TCDS ngày 11 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST – TCDS ngày 09 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964 và anh Hoàng Minh N1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị G là anh Hoàng Minh N1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị N2, sinh năm 1959, địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bà Hoàng Thị N3, sinh năm 1963, địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã N, tỉnh Ninh Bình.

3. Bà Hoàng Thị O, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ tỉnh Lâm Đồng).

Đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng Thị N2, Hoàng Thị O, Hoàng Thị N3 là bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

4. Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

5. Ông Hoàng Ngọc H, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

6. Chị Hoàng Thị N4, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện theo uỷ quyền của chị Hoàng Thị N4 là anh Hoàng Minh N1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

7. Bà Trương Thị V, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình;

Đại diện theo uỷ quyền của bà Trương Thị V là ông Hoàng Ngọc H, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt: Bà N, anh N1, bà N2, bà K, ông H và bà V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Bố bà là cụ Hoàng Viết C, sinh năm 1934 (mất năm 2001), mẹ bà là cụ Tống Thị H1, sinh năm 1934 (mất năm 2014). Lúc sinh thời cụ Hoàng Viết C cụ Tống Thị H1 sinh được 7 anh chị em là anh Hoàng Văn T, Hoàng Thị N2, Hoàng Thị N3, Hoàng Thị N, Hoàng Thị O, Hoàng Thị K và Hoàng Ngọc H. Ngoài ra không còn con đẻ con nuôi nào khác. Anh Hoàng Văn T mất năm 2017. Anh T có vợ là chị Nguyễn Thị G cùng 2 con là Hoàng Minh N1 và Hoàng Thị N4. Trong khi bố mẹ bà còn sống có mua cho vợ chồng anh T một thổ riêng tại thôn B, xã N, (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình) vào năm 1986 và cho tài sản vật chất khác.

Khi Bố bà mất, mẹ bà ở với em trai là Hoàng Ngọc H, thời gian mẹ bà ốm đau do ông H chăm sóc. Bà Tống Thị H1 mất năm 2014. Cụ Hoàng Viết C và cụ Tống Thị H1 chết không để lại di chúc, mẹ chỉ nói miệng là phần ao cho em H (đã

lấp đất làm nhà từ năm 2007, năm 2014 cụ Tống Thị H1 mới mất), còn phần đất còn lại cụ Tống Thị H1 nói con nào có hiếu thì thờ, không cho ai. Khi bố mẹ bà mất thì phần đất ao vẫn do ông H quản lý, sử dụng; phần đất thổ còn lại ông T nói để ông T thờ cúng (49 ngày), hiện nay không ai sử dụng phần đất này. Bố mẹ bà chết có để di sản là hai thửa đất số 370 và 241, tờ bản đồ số 3 xã N cũ, nay là xã Đ (tổng diện tích hai mảnh đất là 709m2, trong đó phần ao là 456m2, đất ở là 253m2) và các tài sản trên đất. Anh em muốn chia di sản thừa kế bố mẹ để lại nhưng bà G và các con không nhất trí. Nay bà đề nghị Toà án giải quyết chia di sản của cụ Hoàng Viết C và cụ Tống Thị H1 để lại theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị G và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị N4 là anh Hoàng Minh N1 trình bày: Về quan hệ gia đình thì các anh chị em và các hàng thừa kế của cụ C, cụ H1 như phía nguyên đơn đã khai là đúng. Ngoài những người thừa kế trên không còn ai khác. Về tài sản thừa kế: Phía bị đơn thống nhất về nguồn gốc hai thửa đất số 370 và 241, tờ bản đồ số 3 xã N cũ (nay là xã Đ) là di sản thừa kế hai cụ C và cụ H1 để lại. Thửa đất gia đình anh đang sử dụng hiện nay ở đội B thôn B, xã Đ là do bố mẹ anh tự mua, không phải do ông bà nội mua cho. Cụ Hoàng Viết C chết không để lại di chúc còn cụ Tống Thị H1 còn sống có phân chia đất bằng miệng có chứng kiến của thôn đội và một số người làm chứng là phần đất ao cho chú H (thửa đất này chú H đang sử dụng), còn thửa đất còn lại cho bố anh là ông là Hoàng Văn T. Hiện nay anh N1 vẫn đến thắp hương vào ngày 01, ngày 15 hàng tháng. Hiện trạng thửa đất này không có thay đổi gì khi cụ Hoàng Viết C cụ Tống Thị H1 mất. Phía bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh đề nghị Toà án giải quyết theo cuộc họp gia đình mà cụ Tống Thị H1 đã chia cho hai anh em trai.

Tại phiên toà ông Hoàng Ngọc H vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vừa là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trương Thị V có quan điểm: Ông nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ gia đình, hàng thừa kế và di sản mà bố mẹ ông để lại. Ông cũng đề nghị Toà án chia di sản thừa kế bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật và ông xin nhận di sản thừa kế bằng hiện vật vị trí ở thửa đất vợ chồng ông đã xây dựng các công trình trên đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị K trình bày: Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ gia đình, hàng thừa kế và di sản mà bố mẹ ông để lại. Bà cũng đề nghị Toà án chia di sản thừa kế bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bà Hoàng Thị K và người đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng Thị N2, Hoàng Thị O, Hoàng Thị N3 là bà Hoàng Thị N đều có quan điểm: Các bà đề nghị được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và xin cùng đứng tên sử dụng diện tích đất được hưởng thừa kế. Đối với nghĩa vụ sau khi đối trừ các bà không yêu cầu ông Hoàng Ngọc H phải thanh toán số tiền chênh lệch tài sản cho các bà.

Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện:

- Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 20/01/2025 thể hiện:

Thửa đất số 370 và 241, tờ bản đồ số 3 xã N cũ (nay là xã Đ), tổng diện tích là 709m2, trong đó thửa 241 là đất ao diện tích 456m2, thửa 370 là đất ở diện tích 253m2). Trên đất hiện xây dựng các tài sản sau:

Thửa 370 tờ bản đồ số 3 có các công trình sau:

+ Nhà ở diện tích 12m x 3,4m giá trị là 52.093.440 đồng;

+ Bếp fibro diện tích 3,8m x 6m giá trị là 26.576.640 đồng;

+ Bế mái xây gạch diện tích 2,3m x 3,2m giá trị là 6.964.032 đồng;

+ Tường rào 4 đoạn tổng cộng dài 27,2m giá trị 10.151.040 đồng;

+ Sân xỉ vôi diện tích 11,8m x7,3m giá trị 4.909.980 đồng;

+ Giếng khoan giá trị 5.296.800 đồng.

Tổng giá trị các công trình xây dựng trên thửa 370 là: 105.991.932 đồng. Các công trình trên do cụ C và cụ H1 xây dựng.

Thửa 241 tờ bản đồ số 3 có các công trình sau:

+ Nhà ở diện tích 7m x 11,8m giá trị 276.148.320 đồng, chống nóng giá trị 12.000.000 đồng;

+ Bếp xây gạch giá trị 6,9m x 3,7m giá trị 23.911.398 đồng;

+ Dại fibro diện tích 4,4m x6,2m giá trị 7.683.456 đồng;

+ WC kích thước 3m x 2,1m giá trị 8 376.480 đồng;

+ Tường xây gạch kích thước 2.85m giá trị 1.173.060 đồng;

+ Cổng và trụ cổng giá trị 3.000.000 đồng;

+ Tường rào lưới B40 giá trị 6.495.720 đồng;

+ Sân bê tông đá 1-2 diện tích 12.5m x 5,8m giá trị 11.774.000 đồng;

+ Lối đi ra vườn diện tích 1,4m x 8,5m giá trị 678.300 đồng;

+ Bục kê cây diện tích 1,4m x 11,25m giá trị 897.750 đồng;

+ Giếng khoan giá trị 5.296.000 đồng;

Các công trình trên do ông H xây dựng.

Giá trị thị trường của đất ao là 3.600.000 đồng/m2, giá trị thị trường của đất ở là 6.000.000 đồng/m2.

Tại phiên toà các đương sự không có ý kiến gì về việc thẩm định cũng như định giá tài sản.

Đại diện chính quyền địa phương có quan điểm về diện tích đất của thửa 241 và thửa 370 khi xem xét thẩm định tại chỗ tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do lấn chiếm của đường và chính quyền sẽ xem xét xử lý sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán cũng như hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 98, Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N.

+ Xác định di sản thừa kế của cụ Hoàng Viết C và bà Tống Thị H1 là quyền sử dụng đất thửa đất số 370 và 241, tờ bản đồ số 3 xã N cũ (nay là xã Đ, tổng diện đất 709m2, trong đó phần ao là 456m2, đất ở là 253m2. Phần di sản thừa kế của cụ Hoàng Viết C và cụ Tống Thị H1 được chia thành 07 phần bằng nhau cho 07 (bảy) người con là Hoàng Văn T, Hoàng Thị N2, Hoàng Thị N3, Hoàng Thị N, Hoàng Thị O, Hoàng Thị K, Hoàng Ngọc H. Do ông T chết năm 2017 (chết sau cụ Hoàng Viết C cụ Tống Thị H1) nên phần di sản của ông T do hàng thừa kế thứ nhất của ông T hưởng thừa kế gồm vợ là bà Nguyễn Thị G và hai người con là anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4. Mỗi kỷ phần được hưởng một phần bảy di sản (tương đương 101,2 m2 đất bao gồm: 36,1 m2 đất ở và 65.1 m2 đất ao).

+ Giao cho ông Hoàng Ngọc H được quyền sử dụng diện tích phần ao là 456m2 tại thửa 241 tờ bản đồ số 3 cùng các tài sản trên đất.

+ Giao cho bà Nguyễn Thị G, anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4 được quyền sử dụng diện tích 101m2 đất ở phía nam thửa đất số 370 cùng các tài sản trên đất và phải thanh toán phần chênh lệch vượt hơn so với phần di sản thừa kế mà mình được hưởng.

+ Giao cho các bà Hoàng Thị N2, Hoàng Thị N3, Hoàng Thị N, Hoàng Thị O, Hoàng Thị K được quyền sử dụng diện tích 152m2 đất ở phía bắc thửa đất số 370 cùng các tài sản trên đất.

+ Ông Hoàng Ngọc H và vợ con của ông Hoàng Văn T phải thanh toán phần chênh lệch diện tích vượt hơn so với phần di sản thừa kế mà mình được hưởng.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Tòa án tuyên án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện bà Hoàng Thị N yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật là di sản của bố mẹ bà là cụ Hoàng Viết C và cụ Tống Thị H1 để lại là quyền sử dụng thửa đất số 370 và 241, tờ bản đồ số 3 tổng diện tích đất là 709m2, trong đó phần ao là 456m2, đất ở là 253m2 tại xã N (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình). Do vậy, đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Cụ Hoàng Viết C mất năm 2001 và cụ Tống Thị H1, mất năm 2014. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế của cụ C từ năm 2001, của cụ H1 từ năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản…." thì yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ C và cụ H1 để lại của bà Hoàng Thị N còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng, diện thừa kế: Nguyên đơn bà Hoàng Thị N, bị đơn anh Hoàng Minh N1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác định cụ Hoàng Viết C và cụ Tống Thị H1 có 07 (bảy) người con là Hoàng Văn T, Hoàng Thị N2, Hoàng Thị N3, Hoàng Thị N, Hoàng Thị O, Hoàng Thị K và Hoàng Ngọc H. Ngoài ra cụ C và cụ H1 không có con riêng, con nuôi nào. Bố mẹ đẻ của cụ Hoàng Viết C đã chết từ lâu và chết trước cụ Hoàng Viết C. Bố mẹ đẻ của cụ Tống Thị H1 đã chết từ lâu và chết trước cụ Tống Thị H1. Ông Hoàng Văn T có vợ là bà Nguyễn Thị G và hai người con là anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4, Do ông T chết năm 2017 (chết sau cụ Hoàng Viết C và cụ Tống Thị H1) nên phần di sản của ông T do hàng thừa kế thứ nhất của ông T hưởng thừa kế gồm vợ là bà Nguyễn Thị G và hai người con là anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4.

[2.2] Về di sản thừa kế: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay thấy có căn cứ xác định: Cụ H1 và cụ C có để lại di sản là quyền sử dụng thửa đất số 370 và 241, tờ bản đồ số 3 tổng diện tích đất của cả hai thửa là 709m2, trong đó thửa 241 có diện tích là 456m2 đất ao, thửa

đất số 370 có diện tích là 253m2 đất ở, tại xã N (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình). Đối với phần diện tích đất khi xem xét thẩm định tại chỗ tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đại diện chính quyền địa phương có quan điểm về diện tích đất của thửa 241 và thửa 370 khi xem xét thẩm định tại chỗ tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do lấn chiếm của đường và chính quyền sẽ xem xétt xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết phần diện tích đất tăng.

Cụ C và cụ H1 không có thoả thuận riêng về tài sản vợ chồng cũng như phần đóng góp trong khối tài sản chung, do đó tài sản này được xác định là tài sản chung vợ chồng của cụ C và cụ H1. Cụ C, cụ H1 chết không để lại di chúc.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn xuất trình di chúc do cụ H1 lập nhưng không có chữ ký của người lập di chúc trong bản di chúc cũng không có xác nhận của chính quyền địa phương cũng như người làm chứng. Ngoài ra không có ai biết việc lập di chúc này của cụ H1. Mặt khác phía bị đơn cũng xác định đây là tờ giấy do ông Hoàng Văn T viết theo nguyện vọng của cụ H1 nhưng chưa hoàn thành. Như vậy cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để xác định về hiệu lực của di chúc. Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc"*. Hội đồng xét xử nhận định bản di chúc do phía bị đơn xuất trình không có người làm chứng, mặt khác cũng không có chữ ký người lập di chúc. Do vậy, về hình thức của bản di chúc không đáp ứng được yêu cầu tại Điều 656 Bộ luật Dân sự 2005 nên bản di chúc do bị đơn xuất trình không có hiệu lực. Quan điểm của bị đơn đề nghị phân chia di sản thừa kế theo di chúc là không có căn cứ và không phù hợp.

Do đó di sản của cụ C và cụ H1 để lại được chia theo pháp luật. Di sản này được chia theo pháp luật cho 07 (bảy) người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ H1 gồm có: 07 (bảy) người con là ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị N2, bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị O, bà Hoàng Thị K và ông Hoàng Ngọc H. Do ông T đã chết nên phần mà ông T được hưởng được chia lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm có vợ là bà Nguyễn Thị G và hai người con là anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4.

Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác.

[2.4] Đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn:

Về chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Hoàng Viết C và cụ Tống Thị H1.

Như đã phân tích ở trên, di sản thừa kế cụ C và cụ H1 được chia theo pháp luật gồm: Di sản thừa kế cụ C và cụ H1 để lại là quyền sử dụng thửa đất số 370 và 241, tờ bản đồ số 3 tổng diện tích đất của cả hai thửa là 709m2, trong đó thửa 241 có diện tích là 456m2 đất ao, thửa đất số 370 có diện tích là 253m2 đất ở, tại xã N (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình). Yêu cầu này của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử nhận định là phù hợp với quy định tại Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền được hưởng di sản của cá nhân.

Di sản của cụ C và cụ H1 được chia làm 07 phần thừa kế gồm: Ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị N2, bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị O, bà Hoàng Thị K và ông Hoàng Ngọc H. Do ông T đã chết nên phần mà ông T được hưởng được chia lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm có vợ là bà Nguyễn Thị G và hai người con là anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4. Như vậy mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 101,2 m2 đất bao gồm: 36,1 m2 đất ở và 65.1 m2 đất ao tương ứng với giá trị là 36.14m2 x 6.000.000đ + 65.14m2 x 3.600.000 đ = 451.372.000 đồng và 1/7 giá trị tài sản trên đất tương ứng giá trị là: 105.991.932 đồng/7 = 15.141.000 đồng. Tổng giá trị tương ứng một suất thừa kế là: 466.513.000 đồng.

[2.5] Về phần chia di sản bằng hiện vật:

Di sản thừa kế trong vụ án này đủ điều kiện để phân chia bằng hiện vật cho những người được hưởng thừa kế. Tuy nhiên trên thửa đất đã xây dựng các công trình kiên cố do vậy để đảm bảo giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử thấy cần chia di sản thừa kế bằng hiện vật nhưng diện tích chia phù hợp với các công trình đã xây dựng và các bên thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau. Mặt khác, do ông H đang quản lý sử dụng ổn định thửa đất số 241 diện tích là 456m2 đất ao nên cần tiếp tục giao cho ông H quản lý sử dụng phần diện tích đất này. Xét nguyện vọng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy nên phân chia di sản thừa kế cho những người được hưởng thừa kế cụ thể như sau:

+ Giao cho ông Hoàng Ngọc H được quyền quản lý sử dụng diện tích đất ao là 456m2 tại thửa 241, tờ bản đồ số 3 xã N (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình) cùng các tài sản trên đất. Giá trị thửa đất số 241 tờ bản đồ số 3 là 456m2 x 3.600.000 đồng = 1.641.600.000 đồng.

+ Giao cho bà Nguyễn Thị G, anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4 được quyền quản lý sử dụng diện tích 101 m2 đất ở cùng các tài sản trên đất vị trí nằm ở phía nam thửa đất số 370, tờ bản đồ số 3 xã N (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình). Giá trị diện tích đất được hưởng là 101m2 x 6.000.000đồng = 606.000.000đồng.

+ Giao cho các bà Hoàng Thị N2, Hoàng Thị N3, Hoàng Thị N, Hoàng Thị O, Hoàng Thị K được quyền quản lý sử dụng diện tích 152m2 đất ở cùng các tài

sản trên đất vị trí nằm ở phía bắc thửa đất số 370 tờ bản đồ số 3 xã N (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình). Giá trị diện tích đất được hưởng là 152m2 x 6.000.000đồng = 912.000.000đồng.

Do phần đất giao cho ông H và vợ con của ông Hoàng Văn T nhiều hơn phần thừa kế được hưởng nên ông H và vợ con của ông Hoàng Văn T phải thanh toán phần chênh lệch diện tích vượt hơn so với phần di sản thừa kế mà mình được hưởng.

[2.6] Về việc thanh toán giá trị các công trình xây dựng trên đất:

Do các công trình trên đất tại thửa 241 tờ bản đồ số 3 đều do vợ chồng ông H xây dựng và diện tích đất này giao cho ông H tiếp tục quản lý sử dụng nên không đặt ra xem xét việc chia chênh lệch tài sản trên thửa đất.

Bà Hoàng Thị N2, bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị O và bà Hoàng Thị K được sử dụng các công trình nhà ở diện tích 12m x 3,4m giá trị là 52.093.440 đồng, B fibro diện tích 3,8m x 6m giá trị là 26.576.640 đồng, B mái xây gạch diện tích 2,3m x 3,2m giá trị là 6.964.032 đồng, tường rào 4 đoạn dài tổng cộng 27,2m giá trị 10.151.040 đồng, tổng cộng giá trị các tài sản trên diện tích đất được phân chia là 95.785.152đồng làm tròn 95.785.000đ nên phải đối trừ với phần giá trị di sản mà mình được hưởng.

Bà Nguyễn Thị G, anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4 được quyền sử dụng: Sân xỉ vôi diện tích 11,8m x7,3m giá trị 4.909.980 đồng và giếng khoan giá trị 5.296.800 đồng, tổng cộng giá trị các tài sản trên diện tích đất được phân chia là 10.206.780 đồng làm tròn 10.206.000đ nên phải đối trừ với phần di sản mà mình được hưởng.

[2.7] Về công sức đóng góp trong việc quản lý trông coi di sản thừa kế: Di sản hiện do các đồng thừa kế cùng trông coi quản lý và hưởng lợi tức từ việc trông coi quản lý di sản từ trước đến nay. Các đồng thừa kế cũng không có yêu cầu tính công sức đóng góp của mình trong việc quản lý trông coi di sản thừa kế nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.8] Về công san lấp: Các đương sự xác định hiện trạng không có việc san lấp tôn tạo nên so với hiện trạng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.9] Đối trừ nghĩa vụ của các bên, ông Hoàng Ngọc H phải thanh toán lại cho các bà Hoàng Thị N2, bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị O và bà Hoàng Thị K số tiền là 1.175.087.000đồng. Tuy nhiên tại phiên toà bà Hoàng Thị N2, bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị O và bà Hoàng Thị K có quan điểm không yêu cầu ông Hoàng Ngọc H không phải thanh toán số tiền chênh lệch tài sản nói trên và ông Hoàng Ngọc H có quan điểm ông xin nộp án phí đối với phần mà ông được hưởng này, Hội đồng xét xử thấy quan điểm trên của bà N, N2,

N3, O và K là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội và không vi phạm quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối trừ nghĩa vụ của các bên, bà Nguyễn Thị G, anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4 phải thanh toán lại cho các bà Hoàng Thị N2, bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị O và bà Hoàng Thị K số tiền là 149.693.000đồng.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nguyên đơn đã nộp đủ và nhận nộp toàn bộ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị N2, bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị O, bà Hoàng Thị K, ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị G, anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4 phải chịu án phí đối với phần di sản thừa kế mà mình được hưởng theo quy định tại Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên do bà Nguyễn Thị G, bà Hoàng Thị N2 và bà Hoàng Thị N3 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 98 và Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N.

2. Xác nhận quyền sử dụng thửa đất số 241 và 370 tờ bản đồ số 3, xã N, huyện N (N là xã Đ tỉnh Ninh Bình) là di sản thừa kế của cụ Hoàng Viết C và cụ Tống Thị H1 để lại.

- Giao cho ông Hoàng Ngọc H được quyền quản lý sử dụng diện tích phần ao là thửa 241 tờ bản đồ số 3 xã N, huyện N (N là xã Đ tỉnh Ninh Bình) diện tích là 456m2 cùng các tài sản trên đất được giới hạn bởi các điểm 13, 20, 21, 16, 17, 18, 19, 13 (Có sơ đồ kèm theo bản án).

- Giao cho bà Nguyễn Thị G, anh Hoàng Minh N1 và chị Hoàng Thị N4 được quyền quản lý sử dụng diện tích 101m2 đất ở vị trí nằm ở phía nam thửa đất số 370 tờ bản đồ số 3 xã N, huyện N (Nay là xã Đ tỉnh Ninh Bình) cùng các tài sản trên đất được giới hạn bởi các điểm 7', 8, 9, 9', 7' (Có sơ đồ kèm theo bản án).

- Giao cho các bà Hoàng Thị N2, Hoàng Thị N3, Hoàng Thị N, Hoàng Thị O, Hoàng Thị K được quyền quản lý sử dụng diện tích 152m2 đất ở vị trí nằm ở phía bắc thửa đất số 370 tờ bản đồ số 3 xã N, huyện N (Nay là xã Đ tỉnh Ninh Bình) cùng các tài sản trên đất được giới hạn bởi các điểm 6, 7, 7', 9', 10, 6 (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Các đương sự được phép sử dụng các công trình hiện đã được xây dựng trên phần đất mà mình được hưởng thừa kế. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với phần thừa kế được phân chia.

4. Anh Hoàng Minh N1, bà Nguyễn Thị G, chị Hoàng Thị N4 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho các bà Hoàng Thị N2, bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị O và bà Hoàng Thị K tổng số tiền là: 149.693.000đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

5. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Nguyễn Thị G, bà Hoàng Thị N2 và bà Hoàng Thị N3.

- Buộc bà Hoàng Thị N phải nộp 9.344.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án bà N đã nộp 5.000.000đồng theo biên lai số 0001486 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, bà N còn phải nộp 4.344.800đồng.

- Buộc bà Hoàng Thị O, bà Hoàng Thị K mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.344.800 đồng.

- Buộc ông Hoàng Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 61.248.000 đồng.

- Buộc anh Hoàng Minh N1, chị Hoàng Thị N4 mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.553.500đồng.

8. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND Khu vực 11;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Thịnh;
- Lưu văn phòng; HSVA.

Phạm Hùng Phương